

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUỐC TẾ SƠN HÀ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 50



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 25 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ 25 ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và thông tin người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 62 65 65 66
- Fax : (024) 62 65 65 88

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gia dụng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa,...;
- Cung ứng các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Khai thác, kinh doanh các dự án cung cấp nước sạch;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án bất động sản công nghiệp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Ông Phạm Thế Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Phương Nam	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Văn Thi	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2024
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024
Bà Trần Thị Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban quản lý, điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2022
Ông Nguyễn Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Ông Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Vĩnh Sơn - Chủ tịch HĐQT (tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Vĩnh Sơn
Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Số: 2.0301/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 2897-2025-008-1
Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025



Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.267.564.574.280	5.610.598.077.038
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	102.786.809.902	79.184.958.927
1. Tiền	111		67.174.046.340	73.437.417.838
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.612.763.562	5.747.541.089
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		386.482.700.315	349.578.995.123
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	386.482.700.315	349.578.995.123
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.286.357.529.154	3.892.309.100.432
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.408.379.797.299	3.017.814.778.010
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	453.582.111.303	536.502.480.769
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	172.150.000.000	45.154.300.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	278.588.628.523	304.082.328.718
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(26.757.896.837)	(11.509.087.818)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		414.888.866	264.300.753
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	1.380.176.539.305	1.218.736.777.919
1. Hàng tồn kho	141		1.381.629.287.440	1.218.798.866.186
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.452.748.135)	(62.088.267)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		111.760.995.604	70.788.244.637
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	26.363.697.305	23.948.570.136
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		84.630.032.456	45.700.231.114
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	767.265.843	1.139.443.387
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.185.873.898.009	1.971.187.185.653
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.851.957.849	3.205.070.795
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	3.647.360.082	4.000.473.028
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	(795.402.233)	(795.402.233)
II. Tài sản cố định	220		1.142.521.091.814	1.181.866.869.045
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	558.110.267.811	623.335.763.659
Nguyên giá	222		1.306.660.232.479	1.318.206.631.229
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(748.549.964.668)	(694.870.867.570)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	97.383.040.272	106.421.796.465
Nguyên giá	225		136.570.655.990	150.702.453.292
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(39.187.615.718)	(44.280.656.827)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	487.027.783.731	452.109.308.921
Nguyên giá	228		503.492.879.208	466.076.986.993
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.465.095.477)	(13.967.678.072)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		784.156.475.359	514.649.115.758
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	784.156.475.359	514.649.115.758
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		185.688.147.988	184.937.461.187
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	178.393.147.988	176.691.461.187
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	34.115.778.616	34.115.778.616
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(31.405.778.616)	(31.405.778.616)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	4.585.000.000	5.536.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		70.656.224.999	86.528.668.868
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	68.808.654.956	83.967.982.585
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	1.847.570.043	2.560.686.283
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.453.438.472.289	7.581.785.262.691

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.351.140.827.964	5.574.367.496.271
I. Nợ ngắn hạn	310		6.348.770.750.560	4.863.763.473.580
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15a	1.710.669.585.754	429.639.738.994
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	310.207.921.747	150.812.166.759
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	59.968.522.270	75.774.927.167
4. Phải trả người lao động	314		34.574.616.174	28.139.934.146
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	12.197.044.346	10.566.718.718
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		9.772.858	13.326.610
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	339.701.072.658	853.269.456.888
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	3.874.544.396.231	3.307.175.324.932
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	2.743.455.740	2.694.359.779
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	4.154.362.782	5.677.519.587
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.002.370.077.404	710.604.022.691
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15b	27.073.228.179	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	384.872.233.571	241.588.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	589.509.910.577	468.101.317.614
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	914.705.077	914.705.077
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.102.297.644.325	2.007.417.766.420
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	2.102.297.644.325	2.007.417.766.420
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.621.764.490.000	1.621.764.490.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.621.764.490.000	1.621.764.490.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(47.906.902.648)	(47.906.902.648)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		67.309.880.000	67.309.880.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.186.322.972)	(4.186.322.972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(3.007.507.219)	(5.116.836.291)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		39.045.868.278	38.865.623.775
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		268.432.956	268.432.956
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		145.903.688.700	69.467.000.066
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		68.674.968.890	69.467.000.066
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		77.228.719.810	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		283.106.017.230	266.952.401.534
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.453.438.472.289	7.581.785.262.691

Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Quân

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	11.425.650.934.981	9.780.654.605.019
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	168.584.818.390	175.309.325.964
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.257.066.116.591	9.605.345.279.055
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	10.305.753.866.274	8.768.510.255.537
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		951.312.250.317	836.835.023.518
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	78.072.625.259	84.624.064.675
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	357.101.225.387	365.891.357.089
Trong đó: chi phí lãi vay	23		282.541.988.629	318.142.487.613
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.701.686.801	285.511.905
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	379.011.339.754	287.175.971.417
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	181.975.504.820	162.017.630.666
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		112.998.492.416	106.659.640.926
12. Thu nhập khác	31	VI.8	60.944.558.127	3.868.487.404
13. Chi phí khác	32	VI.9	6.434.874.444	6.553.631.361
14. Lợi nhuận khác	40		54.509.683.683	(2.685.143.957)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		167.508.176.099	103.974.496.969
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		59.139.622.394	44.884.928.605
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		108.368.553.705	59.089.568.364
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		77.228.719.810	16.488.912.250
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		31.139.833.895	42.600.656.114
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	476	102
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	476	102

Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Quân

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		167.508.176.099	103.974.496.969
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		86.273.370.376	93.204.322.901
- Các khoản dự phòng	03		16.688.564.848	77.050.678
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4,5	1.135.058.654	(3.316.313.939)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(129.485.384.368)	(56.658.537.812)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	282.541.988.629	318.142.487.613
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		424.661.774.238	455.423.506.410
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(958.214.526.615)	(476.049.690.639)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(146.908.711.523)	516.073.648.620
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.017.886.955.729	71.129.251.366
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.744.200.460	21.360.950.176
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(283.582.293.594)	(330.690.738.286)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(56.416.268.273)	(18.184.192.707)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(1.702.053.500)	(2.658.019.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.469.076.922	236.404.715.440
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(558.678.327.167)	(387.920.191.279)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		80.525.907.435	728.562.039
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(372.574.283.605)	(289.757.115.991)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		211.136.190.209	187.702.491.040
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		60.785.612.081	56.710.541.214
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(578.804.901.047)	(432.535.712.977)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.23	890.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	10.425.263.323.795	8.456.068.466.278
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(9.789.029.451.261)	(8.331.712.341.234)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20	(41.352.127.351)	(28.564.121.549)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.931.380.994)	(4.275.211.087)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		593.840.364.189	91.516.792.408
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		23.504.540.064	(104.614.205.129)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	79.184.958.927	183.916.538.854
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		97.310.911	(117.374.798)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	102.786.809.902	79.184.958.927

Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Quân

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gia dụng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa,...;
- Cung ứng các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Khai thác, kinh doanh các dự án cung cấp nước sạch;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án bất động sản công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 16 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Cam kết góp vốn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109318947 ngày 21 tháng 8 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Quản lý Vận hành và Kinh doanh nước sạch Sơn Hà, trụ sở chính: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, vốn đầu tư cam kết là 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thực hiện góp vốn theo cam kết.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%	54,26%	54,26%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương năng	50,38%	50,38%	50,38%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	85%	85%	85%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Son Ha Myanmar International Limited	No. 33/B Damaryone Street, Ward No. 15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52,51%	52,51%	52,51%
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất nước thương mại	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà FreeSolar	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện	90%	90%	90%
Công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà	Lô CN07.2-CN08, Khu công nghiệp đô thị Thuận Thành II, Xã Mão Điền, Thị xã Thuận Thành, Bắc Ninh	Dịch vụ Logistic	100%	100%	100%
Công ty Cổ Phần Giải Pháp Công Nghệ Nước và Môi Trường Sơn Hà GM Việt Nam	Số 2 phố Thanh Lâm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh nước thương mại	51%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	72,49%	74,34%
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng gia dụng và công nghiệp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%	36,97%	51%

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,10%	20,10%	20,10%
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Sản xuất, dịch vụ	30%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Số 2 phố Thanh Lâm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	30%	33,71%	33,71%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	Tầng 13 Tòa Capital Place số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	Tầng 13 Tòa Capital Place số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Đại lý, môi giới, đấu giá	30%	40,58%	40,58%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 1.641 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.619 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí Showroom

Chi phí Showroom được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 25

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất, từ 20 – 50 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chi bao gồm dự phòng bảo hành sản phẩm, được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành.

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.451.831.946	10.382.627.269
Tiền gửi ngân hàng	58.329.064.892	63.054.790.569
Tiền đang chuyển	393.149.502	-
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	35.612.763.562	5.747.541.089
Cộng	102.786.809.902	79.184.958.927

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	386.482.700.315	349.578.995.123
Tiền gửi có kỳ hạn	386.482.700.315	349.578.995.123
Dài hạn	4.585.000.000	5.536.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	4.585.000.000	4.536.000.000
Trái phiếu	-	1.000.000.000
Cộng	391.067.700.315	355.114.995.123

Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn được dùng để cầm cố đảm bảo cho khoản vay các ngân hàng thương mại có số dư là 327.569.760.649 VND (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	12.259.031.850	3.030.654.794	15.289.686.644	12.259.031.850	1.341.037.536	13.600.069.386
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	45.000.000.000	110.626.726	45.110.626.726	45.000.000.000	65.829.167	45.065.829.167
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	60.000.000.000	(1.392.331)	59.998.607.669	60.000.000.000	(3.272.172)	59.996.727.828
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	45.000.000.000	(505.773.051)	44.494.226.949	45.000.000.000	(471.165.194)	44.528.834.806
Cộng	175.759.031.850	2.634.116.138	178.393.147.988	175.759.031.850	932.429.337	176.691.461.187

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Số đầu năm	Lãi/lỗ công ty liên kết	Chi trả cổ tức	Giảm do trích lập quỹ	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	13.600.069.386	3.006.750.747	(805.521.600)	(511.611.889)	15.289.686.644
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	13.500.000.000	-	-	-	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	45.065.829.167	44.797.559	-	-	45.110.626.726
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	59.996.727.828	1.879.841	-	-	59.998.607.669
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	44.528.834.806	(34.607.857)	-	-	44.494.226.949
Cộng	176.691.461.187	3.018.820.290	(805.521.600)	(511.611.889)	178.393.147.988

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn		
Cổ tức được chia	805.521.600	755.176.500
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	898.086.364	908.536.364

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	31.405.778.616	(31.405.778.616)	31.405.778.616	(31.405.778.616)
Công ty TNHH Bất động sản Havico	2.710.000.000	-	2.710.000.000	-
Cộng	34.115.778.616	(31.405.778.616)	34.115.778.616	(31.405.778.616)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	11.416.548.990	8.213.080.098
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	7.288.178.096	2.909.267.633
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	2.839.375.204	3.652.520.804
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	518.040.271	710.013.661
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	126.677.419	297.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	644.278.000	644.278.000
Phải thu các khách hàng khác	4.396.963.248.309	3.009.601.697.912
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	462.973.395.557	401.711.920.538
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	741.207.233.148	383.566.082.763
Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông	1.087.187.311.985	424.376.770.198
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu xuyên Thái Bình Dương	421.902.710.713	186.944.372.379
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phát triển Thiên Phú	436.859.037.356	317.435.143.800
Các khách hàng khác	1.246.833.559.550	1.295.567.408.234
Cộng	4.408.379.797.299	3.017.814.778.010

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Minh Ngọc ⁽ⁱ⁾	300.547.855.483	316.920.388.000
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy Thăng Long	28.288.195.499	28.938.472.282
Trong đó: Tạm ứng Dự án Tam Dương ⁽ⁱ⁾	17.500.000.000	17.500.000.000
Tạm ứng hợp đồng khác	10.788.195.499	11.438.472.282
Công ty Cổ Phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường ETM ⁽ⁱ⁾	7.605.272.606	7.605.272.607
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An ⁽ⁱ⁾	46.800.000.000	46.800.000.000
Các nhà cung cấp khác	70.340.787.715	136.238.347.880
Cộng	453.582.111.303	536.502.480.769

⁽ⁱ⁾ Các khoản tạm ứng cho nhà cung cấp thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2, bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nhà cung cấp	Ngày hợp đồng	Nội dung	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Minh Ngọc	06/01/2022	Cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình hạ tầng công nghiệp	720 tỷ VND	365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An	10/01/2022	Thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống xử lý nước thải	108,8 tỷ VND	365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công
Công ty Cổ phần Phòng cháy Chữa cháy Thăng Long	28/12/2022	Thi công hệ thống Phòng cháy chữa cháy	77,5 tỷ VND	24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường ETM	28/12/2022	Thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống nước sạch	25,3 tỷ VND	24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn				
			Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay Đại lý ^(*)			172.150.000.000	42.760.000.000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn			-	2.394.300.000
Cộng			172.150.000.000	45.154.300.000
^(*) Là các khoản cho các đại lý vay mục đích để dùng thuê nhà kho, mở Showroom, với lãi suất 6,9%/năm và thời hạn cho vay tối đa không quá 8 tháng kể từ thời điểm nhận tiền vay.				
6. Phải thu khác				
6a. Phải thu ngắn hạn khác				
			Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	122.365.009	-	121.819.554	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	50.459.000	-	50.459.000	-
Công ty Cổ phần Việt Nam Commodity Exchange	69.211.259	-	68.665.804	-
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	2.694.750	-	2.694.750	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	278.466.263.514	(7.778.516.585)	303.960.509.164	(2.886.390.855)
Tạm ứng Dự án Tam Dương	44.925.589.125	-	85.455.112.724	-
Phạm Xuân Vinh	18.505.000.000	-	34.175.000.000	-
Hồ Văn Việt	26.420.589.125	-	24.880.112.724	-
Lê Văn Tấn	-	-	26.400.000.000	-
Tạm ứng khác	44.491.831.757	-	90.365.953.064	-
Ký cược, ký quỹ	20.013.412.523	-	10.476.897.871	-
Lãi dự thu	18.510.379.816	-	7.912.253.686	-
Phải thu về tiền nộp Ngân sách thành phố - Dự án Bắc Cỗ Nhuế Chèm	4.750.000.000	(4.750.000.000)	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	145.775.050.293	(3.028.516.585)	109.750.291.819	(2.886.390.855)
Cộng	278.588.628.523	(7.778.516.585)	304.082.328.718	(2.886.390.855)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	2.851.957.849	-	3.205.070.795	-
Ông Lê Trần Trọng Thái	795.402.233	(795.402.233)	795.402.233	(795.402.233)
Cộng	3.647.360.082	(795.402.233)	4.000.473.028	(795.402.233)

7. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	3.540.903.520	(3.540.903.520)	3.540.903.520	(3.540.903.520)
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	1.891.351.348	(1.891.351.348)	1.891.351.348	(1.891.351.348)
Tiền nộp Ngân sách thành phố - Dự án Bắc Cổ Nhuế Chèm	4.750.000.000	(4.750.000.000)	-	-
Công ty TNHH Xe máy xe điện Nam Tiến Phát	7.099.717.643	(2.277.588.821)	-	-
Nanning Gaoli Industrial and Tracding co.,Ltd	4.421.272.635	(4.421.272.635)	-	-
Các đối tượng khác	11.357.437.873	(10.672.182.746)	7.184.678.024	(6.872.235.183)
Cộng	33.060.683.019	(27.553.299.070)	12.616.932.892	(12.304.490.051)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	11.509.087.818	795.402.233	12.304.490.051
Trích lập dự phòng bổ sung	15.275.409.019	-	15.275.409.019
Sử dụng dự phòng	(26.600.000)	-	(26.600.000)
Số cuối năm	26.757.896.837	795.402.233	27.553.299.070

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	232.896.530.390	-	18.828.911.595	-
Nguyên liệu, vật liệu	656.295.192.488	(1.390.659.868)	656.853.018.651	-
Công cụ, dụng cụ	26.204.767.837	-	8.588.557.040	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.380.576.881	-	7.288.412.410	-
Thành phẩm	158.315.694.498	-	199.616.973.322	-
Hàng hóa	303.498.695.475	(62.088.267)	327.556.769.310	(62.088.267)
Hàng gửi bán	37.829.871	-	66.223.858	-
Cộng	1.381.629.287.440	(1.452.748.135)	1.218.798.866.186	(62.088.267)

Một số hàng tồn kho giá trị sổ sách tại 31/12/2024 là 549.707.234.443 VND đã được dùng thế chấp để bảo đảm các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	62.088.267	62.088.267
Trích lập dự phòng bổ sung	1.390.659.868	-
Số cuối năm	1.452.748.135	62.088.267

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	1.093.189.597	1.056.975.243
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	16.864.965.916	14.614.793.334
Chi phí bản quyền phần mềm	2.535.513.816	2.525.332.367
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.870.027.976	5.751.469.192
Cộng	26.363.697.305	23.948.570.136

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	10.073.553.474	9.751.976.561
Chi phí thuê đất	44.084.631.172	45.663.537.688
Sửa chữa thiết bị, văn phòng	3.910.621.467	6.788.521.087
Chi phí xây dựng Showroom	165.000.000	8.150.091.475
Chi phí biển, pano quảng cáo	926.364.733	3.127.972.455
Chi phí giải phóng, san lấp mặt bằng	3.285.212.402	3.493.797.326
Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.363.271.708	6.992.085.993
Cộng	68.808.654.956	83.967.982.585

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	439.420.933.855	693.824.344.097	164.012.375.987	20.948.977.290	1.318.206.631.229
Mua trong năm	422.209.184	5.948.051.563	1.711.082.887	2.037.588.213	10.118.931.847
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	10.652.260.303	27.277.321.815	-	37.929.582.118
Thanh lý, nhượng bán	(21.938.347.806)	(19.693.354.922)	(14.882.360.231)	(3.923.429.988)	(60.437.492.947)
Tăng khác	401.225.528	376.180.165	30.726.993	34.447.546	842.580.232
Số cuối năm	418.306.020.761	691.107.481.206	178.149.147.451	19.097.583.061	1.306.660.232.479
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	15.150.137.764	160.158.203.817	38.380.247.369	10.478.098.046	224.166.686.996
Chờ thanh lý	-	5.584.265.777	-	-	5.584.265.777
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	145.318.453.816	420.750.860.945	112.577.679.848	16.223.872.961	694.870.867.570
Khấu hao trong năm	18.705.995.469	33.142.026.295	12.225.606.538	1.706.029.509	65.779.657.811
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	7.250.960.750	14.815.700.705	-	22.066.661.455
Thanh lý, nhượng bán	(11.285.672.409)	(12.469.881.763)	(7.803.070.403)	(3.142.608.498)	(34.701.233.073)
Tăng khác	273.702.898	206.857.182	27.981.700	25.469.125	534.010.905
Số cuối năm	153.012.479.774	448.880.823.409	131.843.898.388	14.812.763.097	748.549.964.668
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	294.102.480.039	273.073.483.152	51.434.696.139	4.725.104.329	623.335.763.659
Số cuối năm	265.293.540.987	242.226.657.797	46.305.249.063	4.284.819.964	558.110.267.811

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 285.274.063.085 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.20).



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	104.098.780.925	46.603.672.367	150.702.453.292
Thuê tài chính trong năm	23.621.216.812	-	23.621.216.812
Mua lại tài sản thuê tài chính	(10.609.163.264)	(27.143.850.850)	(37.753.014.114)
Số cuối năm	117.110.834.473	19.459.821.517	136.570.655.990
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	26.049.614.703	18.231.042.124	44.280.656.827
Khấu hao trong năm	11.851.595.808	5.122.024.538	16.973.620.346
Mua lại tài sản thuê tài chính	(7.250.960.750)	(14.815.700.705)	(22.066.661.455)
Số cuối năm	30.650.249.761	8.537.365.957	39.187.615.718
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	78.049.166.222	28.372.630.243	106.421.796.465
Số cuối năm	86.460.584.712	10.922.455.560	97.383.040.272

Theo các hợp đồng thuê tài sản, Tập đoàn được quyền mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	423.578.410.872	42.498.576.121	466.076.986.993
Mua trong năm	37.584.700.000	137.500.000	37.722.200.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(314.580.000)	(314.580.000)
Tăng khác	-	8.272.215	8.272.215
Số cuối năm	461.163.110.872	42.329.768.336	503.492.879.208
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	231.401.690	4.992.821.889	5.224.223.579
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.939.952.846	7.027.725.226	13.967.678.072
Khấu hao trong năm	539.242.944	2.267.733.035	2.806.975.979
Thanh lý, nhượng bán	-	(314.580.000)	(314.580.000)
Tăng khác	-	5.021.426	5.021.426
Số cuối năm	7.479.195.790	8.985.899.687	16.465.095.477
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	416.638.458.026	35.470.850.895	452.109.308.921
Số cuối năm	453.683.915.082	33.343.868.649	487.027.783.731
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 406.060.343.386 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Phân loại sang phải thu khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	268.000.000	-	-	268.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	514.649.115.758	293.233.795.024	(19.244.435.423)	(4.750.000.000)	783.888.475.359
Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm ⁽ⁱ⁾	4.750.000.000	-	-	(4.750.000.000)	-
Dự án nước Hà Đông ⁽ⁱⁱ⁾	7.501.159.939	-	(1.014.284.843)	-	6.486.875.096
Dự án 3 xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12.981.095.687	1.430.015.646	-	-	14.411.111.333
Dự án KCN Tam Dương ^(iv)	405.345.191.028	89.173.165.581	-	-	494.518.356.609
Dự án Nhà máy Bàu Bàng ^(v)	46.886.051.572	160.713.659.094	-	-	207.599.710.666
Dự án làm sạch nước (khu thiết ứng Đông Anh)	14.423.293.711	103.740.329	(14.527.034.040)	-	-
Dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng giadụng và công nghiệp ^(vi)	699.181.819	38.674.318.092	-	-	39.373.499.911
Các Dự án khác	22.063.142.002	3.138.896.282	(3.703.116.540)	-	21.498.921.744
Cộng	514.649.115.758	293.501.795.024	(19.244.435.423)	(4.750.000.000)	784.156.475.359

(i) Dự án tại lot đất D2 - CT1, Khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm, quận Bắc Từ Liêm đã quá hạn để làm các thủ tục đầu tư, và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội làm thủ tục hủy bỏ kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Cho đến thời điểm hiện tại, chưa có văn bản chính thức của các cơ quan chức năng về việc xử lý số tiền Công ty đã nộp vào Ngân sách nhà nước. Trong năm, Công ty đã đã phân loại sang phải thu khác và trích lập dự phòng đối với toàn bộ số dư này.

(ii) Dự án đầu tư và xây dựng lắp đặt trạm xử lý nước sạch Hà Đông được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định ngày 17/10/2016 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư ngày 25/07/2018 với liên doanh hai nhà thầu là Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) ngày 30/5/2017. Giai đoạn 1, giai đoạn 2 đã được kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2020 và 2021, giai đoạn 3 đang thực hiện thủ tục kiểm toán xây dựng cơ bản.

(iii) Dự án Xây dựng mạng lưới cấp nước sạch liên xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định ngày 11/02/2019 với liên doanh 2 nhà thầu Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Giai đoạn 1 đã được kiểm toán quyết toán hoàn thành trong Quý 1/2022, Giai đoạn 2 dự án đang tiếp tục hoàn tất công tác đấu nối đường ống dẫn nước đến từng hộ dân.

(iv) Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I - khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định ngày 10/3/2021. Dự án được Ban Quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 01/6/2021, thay đổi lần thứ 3 ngày 10/10/2024. Ngày 27/4/2023, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty với diện tích 81,24 ha. Cùng ngày, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép Xây dựng cho Công ty để thực hiện xây dựng các hạng mục của Dự án. Tổng mức đầu tư của dự án là 1.576.873.000.000 VND, dự kiến từ năm 2025 Công ty bắt đầu cho thuê lại đất.

(v) Dự án Nhà máy Bàu Bàng tại Ấp Suối Tre, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương để đầu tư mở rộng thêm nhà máy mới để sản xuất các sản phẩm thương hiệu Toàn Mỹ và một phần diện tích Nhà máy sẽ cho Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (SSP) thuê để sản xuất ống inox bán cho thị trường Miền Nam và xuất khẩu.

(vi) Dự án mở rộng nhà xưởng nhà xưởng nhà máy sản xuất các mặt hàng gia dụng và công nghiệp bằng kim loại của Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung tại Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 10.340.907.973 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Lợi thế thương mại

Là lợi thế thương mại khi ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ. Chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.560.686.283	3.273.802.523
Số phân bổ trong năm	(713.116.240)	(713.116.240)
Số cuối năm	1.847.570.043	2.560.686.283

15. Phải trả người bán

15a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	2.351.826.858	2.314.249.336
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	2.283.675.897	2.283.675.897
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	68.150.961	30.573.439
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.708.317.758.896	427.325.489.658
Công ty TNHH Posco VST	6.680.646.492	55.923.097.828
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Inox Minh Phú	236.006.292.251	11.188.801.671
Công ty Cổ Phần Thương mại Đầu tư Phương Nam	204.073.588.787	14.793.729.678
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Quốc tế Bình Minh	225.721.701.424	8.897.121.797
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long	172.455.764.274	8.576.474.128
Golden Harbour International Pte.Ltd	175.634.833.911	-
Các nhà cung cấp khác	687.744.931.757	327.946.264.556
Cộng	1.710.669.585.754	429.639.738.994

15b. Phải trả người bán dài hạn

Là khoản phải trả dài hạn Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý Nước và Môi trường ETM

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà phân phối, đại lý (*)	13.544.217.018	115.972.601.392
Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh	89.100.000.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Inox Tsingshan Việt Nam	52.500.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long	98.200.000.000	-
Các khách hàng khác	56.863.704.729	34.839.565.367
Cộng	310.207.921.747	150.812.166.759

(*) Là các khoản nhà phân phối, đại lý đặt cọc giữ giá nhập hàng năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	32.712.036.135	31.791.211	62.790.847.635	(81.492.411.707)	14.007.406.329	28.725.477
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	341.954.131.065	(341.954.131.065)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	13.429.365	85.904.199	1.973.594.250	(1.962.294.419)	-	74.604.368
Thuế tiêu thụ đặc biệt	41.917.875.125	-	527.328.935	(531.932.089)	8.826.211	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	845.551.362	944.612.382	59.139.622.394	(56.416.268.273)	44.302.547.131	605.930.267
Thuế thu nhập cá nhân	262.428.400	42.047.446	6.358.972.097	(6.009.962.571)	1.181.907.874	29.394.432
Thuế tài nguyên	-	-	3.751.852.000	(4.014.240.400)	40.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	35.088.149	1.580.774.592	(1.574.297.742)	-	28.611.299
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	2.625.000	(2.625.000)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	157.500.000	(157.500.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	23.606.780	-	2.434.227.350	(1.990.039.405)	467.794.725	-
Cộng	75.774.927.167	1.139.443.387	480.671.475.318	(496.105.702.671)	59.968.522.270	767.265.843

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 5%, 8% và 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3770038731 ngày 14 tháng 10 năm 2016 do Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An cấp, Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2016), được miễn thuế TNDN trong 4 năm (đến hết năm 2019) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo (đến hết năm 2028) do thực hiện Dự án Đầu tư mới tại Khu kinh tế được ưu đãi thuế.

Các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội như sau:

Diện tích đất thuê là 44.800 m² tại Cụm Công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với đơn giá 45.020 VND/m². Theo thông báo số 9479/QĐ-CTHN-QLĐ ngày 27/2/2024, Công ty được miễn 30% tiền thuê đất năm 2023 tương ứng với số tiền là 605.068.800 VND.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	4.288.699.577	5.329.004.542
Chi phí khuyến mại	3.093.201.237	1.835.389.004
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.815.143.532	3.402.325.172
Cộng	12.197.044.346	10.566.718.718

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.448.595.299	2.259.881.393
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	96.850.414	335.013.067
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.995.944.444	42.692.977.601
Nhận ký quỹ, ký cược	2.381.394.611	2.007.335.671
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (*)	249.868.887.900	438.307.510.759
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội (*)	14.894.743.632	126.557.572.807
Ngân Hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh (*)	-	101.839.140.492
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (*)	-	32.966.120.908
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (*)	-	7.594.446.888
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô (*)	15.520.770.982	62.247.614.924
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	51.493.885.376	36.461.842.378
Cộng	339.701.072.658	853.269.456.888

(*) Các khoản các ngân hàng ứng trước tiền thanh toán cho nhà cung cấp theo các Hợp đồng phát hành thư tín dụng L/C Upas và hình thức bao thanh toán cung cấp cho bên khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	5.000.000	5.000.000
Nhận đặt cọc đất Dự án Tam Dương	331.398.750.000	241.583.000.000
Công ty TNHH Thương Mại và Đầu Tư Phát Triển Thiên Phú	52.970.000.000	52.970.000.000
Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông	51.350.000.000	51.350.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	48.395.000.000	48.395.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	47.160.000.000	47.160.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	41.708.000.000	41.708.000.000
Ông Trần Huyền Linh	60.000.000.000	-
Các đối tượng khác	29.815.750.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	53.468.483.571	-
Cộng	384.872.233.571	241.588.000.000

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.801.261.488.413	3.247.842.829.222
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.677.569.005.819	1.587.031.836.055
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	91.496.574.938	90.127.064.709
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	418.905.825.935	472.888.717.068
Ngân hàng TMCP Quân Đội	637.625.923.537	466.042.623.886
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	57.876.209.065	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	305.782.078.813	204.819.792.325
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun	130.337.730.950	-
Ngân hàng First Commercial Bank	166.586.458.329	114.779.034.673
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	9.660.570.968
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	39.559.290.911	9.516.169.684
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	18.880.449.978	94.294.331.291
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	155.340.601.142	198.682.688.563
Ngân hàng TMCP An Bình	76.315.419.814	-
Ngân hàng Sinopac	24.985.919.182	-
Vay ngắn hạn các cá nhân, tổ chức khác	5.000.000	11.505.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	30.573.663.165	19.690.872.551
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Hà Nội đến hạn trả	5.150.000.000	780.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	37.554.244.653	27.356.623.159
Cộng	3.874.544.396.231	3.307.175.324.932

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay ngắn hạn mục đích để tài trợ vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, hàng hóa nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C, Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Tập đoàn và tài sản của Ban lãnh đạo Công ty. Chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại Công ty mẹ (lãi suất từ 4,6%-11%/năm):

Ngân hàng	Hạn mức	Thời hạn
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	770 tỷ VNĐ	Không quá 165 ngày
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức	480 tỷ VNĐ	Không quá 165 ngày
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	390 tỷ VNĐ	Không quá 6 tháng
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai	3,5 triệu USD	Không quá 180 ngày
Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Hà Nội	80 tỷ VNĐ	180 ngày
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch	100 tỷ VNĐ	Không quá 6 tháng
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Trì	250 tỷ VNĐ	Không quá 6 tháng
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long	200 tỷ VNĐ	Không quá 6 tháng
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm	200 tỷ VNĐ	Không quá 180 ngày

Tại Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (lãi suất từ 5,5%-11%/năm):

Ngân hàng	Hạn mức	Thời hạn
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	50 tỉ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Đa	85 tỉ VNĐ	12 tháng

Tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (lãi suất từ 4,8%-8,2%/năm):

Ngân hàng	Hạn mức	Thời hạn
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	400 tỷ VNĐ	07/3/2025
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	500 tỷ VNĐ	18/9/2024-15/9/2025
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức	225 tỷ VNĐ	18/9/2024-15/9/2025
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	44 tỷ VNĐ	Không quá 12 tháng
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Kinh Đô	250 tỷ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	250 tỷ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô	133 tỷ VNĐ	10/6/2024-10/6/2025
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	100 tỷ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng ESUN Bank - Chi nhánh Đồng Nai	2 triệu USD	12 tháng
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội PGD Đại Kim	150 tỷ VNĐ	26/7/2024-26/7/2025
Ngân hàng SINOPAC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1 triệu USD	11/10/2024-31/3/2025

Tại Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ (lãi suất từ 5,5%-8%/năm):

Ngân hàng	Hạn mức	Thời hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	150 tỷ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	40 tỷ VNĐ	6 tháng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa	40 tỷ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng First Commercial Bank	50 tỷ VNĐ	12 tháng

Tại Công ty TNHH Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh (lãi suất từ 5%-11,05%/năm):

Đối tượng	Hạn mức	Thời hạn
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức	200 tỷ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành Đô	50 tỷ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch	80 tỷ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	70 tỷ	12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ miền Trung (lãi suất từ 6,5%-6,8%/năm):

Đối tượng	Hạn mức	Thời hạn
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	25 tỷ VND	6 tháng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức	50 tỷ VND	6 tháng

Tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An (lãi suất từ 5,5%-10%/năm):

Đối tượng	Hạn mức	Thời hạn
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	50 tỷ VND	12 tháng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	80 tỷ VND	12 tháng

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	CLTG đánh giá lại cuối năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.247.842.829.222	10.100.567.745.506	-	(9.553.646.180.231)	6.497.093.916	3.801.261.488.413
Vay ngắn hạn các cá nhân, tổ chức	11.505.000.000	-	-	(11.500.000.000)	-	5.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	19.690.872.551	-	25.763.368.303	(14.880.577.689)	-	30.573.663.165
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Hà Nội đến hạn trả	780.000.000	-	5.150.000.000	(780.000.000)	-	5.150.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	27.356.623.159	-	37.554.244.653	(27.356.623.159)	-	37.554.244.653
Cộng	<u>3.307.175.324.932</u>	<u>10.100.567.745.506</u>	<u>68.467.612.956</u>	<u>(9.608.163.381.079)</u>	<u>6.497.093.916</u>	<u>3.874.544.396.231</u>

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	458.976.094.632	368.266.577.987
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	25.520.953.879	31.220.953.879
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Nghệ An	19.768.853.948	4.425.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Quang Trung	12.777.311.778	15.843.839.778
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	-	207.939.187.148
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	121.312.253.996	102.571.650.038
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	275.295.741.310	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Lê Thái Tổ	69.426.224	236.049.176
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	4.231.553.497	6.029.897.968
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Hà Nội	53.317.497.062	58.467.497.062
Nợ thuê tài chính	77.216.318.883	41.367.242.565
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội	8.209.737.206	10.630.153.868

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	54.035.076.733	29.408.914.157
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	14.971.504.944	1.328.174.540
Cộng	589.509.910.577	468.101.317.614

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Các khoản vay dài hạn tại Công ty mẹ để thực hiện các dự án, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Mục đích	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Hợp đồng ngày 08/04/2024, để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Tam Dương I- khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	1.056,41 tỷ VND	72 tháng	6,5%
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Hà Tây	Hợp đồng ngày 29/08/2017, để thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông	100 tỷ VND	15 năm	8,4%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	Hợp đồng ngày 29/12/2017, để thanh toán các khoản chi phí để thực hiện hợp tác kinh doanh dự án “ Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Văn Côn- An Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội”	57,513 tỷ VND và không vượt quá 62.5% tổng mức đầu tư của dự án	144 tháng	11,5%
Quỹ đầu tư và phát triển thành phố Hà Nội	Hợp đồng ngày 30/09/2019, để thanh toán chi phí thực hiện các gói thầu số 01, 02, 03, 11 của dự án “Lắp đặt tuyến ống truyền dẫn, trạm tăng áp và tuyến ống phân phối, dịch vụ xã Bình Minh, xã Thanh Mai, xã Thanh Cao”	61,311 tỷ VND	138 tháng	6,95%

Các khoản vay dài hạn tại các công ty con bao gồm:

Bên vay/Ngân hàng cho vay	Mục đích	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ (lãi suất 8,2%/năm)					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nhà máy Toàn Mỹ Bàu Bàng	230 tỷ VND	120 tháng, ân hạn 06 tháng	8,2%	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với thửa đất
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các mặt hàng gia dụng và công nghiệp bằng kim loại GĐ2	30 tỷ VND	72 tháng, ân hạn 06 tháng	8.6%/năm (24 tháng đầu tiên)	Nhà xưởng hình thành trong tương lai
Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	dự án đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời công suất 998 kWp	9,975 tỷ VND	84 tháng	8,9%- 12%	Quyền thu hồi công nợ bán điện từ hệ thống điện mặt trời mái nhà; máy móc thiết bị thuộc dự án
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar					
Ngân hàng TMCP MTV shinhon Việt Nam - Chi nhánh Lê Thái Tổ	thanh toán chi phí mua xe ô tô	847 triệu VND	60 tháng	7,5%/năm	Xe ô tô

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên vay/Ngân hàng cho vay	Mục đích	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP					
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội	Thanh toán chi phí triển khai phần mềm SAP	17,3 tỷ VND	48 tháng từ 04/10/2022	10,5-12,1%/năm	Tài sản vô hình là phần mềm SAP

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	489.549.757.797	30.573.663.165	126.766.254.765	332.209.839.867
Vay dài hạn các tổ chức khác	58.467.497.062	5.150.000.000	42.400.000.000	10.917.497.062
Nợ thuê tài chính	114.770.563.536	37.554.244.653	77.216.318.883	-
Cộng	662.787.818.395	73.277.907.818	246.382.573.648	343.127.336.929
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	387.957.450.538	19.690.872.551	299.709.696.776	68.556.881.211
Vay dài hạn các tổ chức khác	59.247.497.062	780.000.000	26.950.000.000	31.517.497.062
Nợ thuê tài chính	68.723.865.724	27.356.623.159	41.367.242.565	-
Cộng	515.928.813.324	47.827.495.710	368.026.939.341	100.074.378.273

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các tổ chức khác	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	368.266.577.987	58.467.497.062	41.367.242.565	468.101.317.614
Số tiền vay phát sinh trong năm	324.695.578.289	-	87.398.825.163	412.094.403.452
Số tiền vay đã trả trong năm	(208.222.693.341)	-	(13.995.504.192)	(222.218.197.533)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(25.763.368.303)	(5.150.000.000)	(37.554.244.653)	(68.467.612.956)
Số cuối năm	458.976.094.632	53.317.497.062	77.216.318.883	589.509.910.577

21. Dự phòng phải trả

Là các khoản dự phòng chi phí bảo hành cho các sản phẩm đã bán còn trong thời hạn bảo hành.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.677.519.587	8.139.432.711
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	178.896.695	196.106.376
Chi quỹ	(1.702.053.500)	(2.658.019.500)
Số cuối năm	4.154.362.782	5.677.519.587

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	57.652.066.000	(4.186.322.972)	(5.900.529.340)	38.668.039.933	268.432.956	63.340.541.794	247.611.158.977	1.971.310.974.700
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	16.488.912.250	42.600.656.114	59.089.568.364
Trích lập các quỹ ở công ty con	-	-	-	-	-	197.583.842	-	(296.375.763)	(97.314.455)	(196.106.376)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	-	(329.676.563)	-	(329.676.563)
Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	-	(78.587.652)	(77.412.348)	(156.000.000)
Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	-	-	-	-	783.693.049	-	-	-	-	783.693.049
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	9.657.814.000	-	-	-	-	(9.657.814.000)	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	(306.953.284)	(306.953.284)
bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	(22.777.733.470)	(22.777.733.470)
Số dư cuối năm trước	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	67.309.880.000	(4.186.322.972)	(5.116.836.291)	38.865.623.775	268.432.956	69.467.000.066	266.952.401.534	2.007.417.766.420
Số dư đầu năm nay	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	67.309.880.000	(4.186.322.972)	(5.116.836.291)	38.865.623.775	268.432.956	69.467.000.066	266.952.401.534	2.007.417.766.420
Góp vốn bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	890.000.000	890.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	77.228.719.810	31.139.833.895	108.368.553.705
Trích lập các quỹ ở công ty con	-	-	-	-	-	180.244.503	-	(270.366.755)	(88.774.443)	(178.896.695)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	-	(402.276.769)	-	(402.276.769)
Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	-	(119.387.652)	(84.612.348)	(204.000.000)
Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	-	-	-	-	2.109.329.072	-	-	-	-	2.109.329.072
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
ở Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(15.702.831.408)	(15.702.831.408)
Số dư cuối kỳ này	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	67.309.880.000	(4.186.322.972)	(3.007.507.219)	39.045.868.278	268.432.956	145.903.688.700	283.106.017.230	2.102.297.644.325

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	162.176.449	162.176.449
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	162.176.449	162.176.449
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	318.860	318.860
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	161.857.589	161.857.589
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

23c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/SH ngày 30 tháng 5 năm 2024 như sau:

	VND
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 402.276.769

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	89.018,92	830.053,44
Euro (EUR)	68,46	89,34
LAK (Kip lao)	326.040.000,00	293.436.000,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	7.377.402.506.793	6.776.355.590.395
Doanh thu bán thành phẩm	3.955.286.230.763	2.927.050.159.590
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.148.476.027	17.758.646.347
Doanh thu cung cấp nước sạch	33.251.566.809	48.405.758.560
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	13.562.154.589	11.084.450.127
Cộng	11.425.650.934.981	9.780.654.605.019

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu		
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	1.598.502.579	1.069.872.544
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	199.183.283.592	152.370.115.023
Giảm trừ doanh thu		
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	11.512.779.861	4.662.210.727

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	167.948.472.624	163.037.036.314
Hàng bán bị trả lại	636.345.766	12.240.757.580
Cộng	168.584.818.390	175.309.325.964

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.838.276.984.985	6.157.062.000.777
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.401.754.135.763	2.539.487.111.558
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.685.132.128	14.264.026.593
Giá vốn nước thành phẩm	31.329.380.998	52.789.921.198
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.390.659.868	-
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	4.317.572.532	4.907.195.411
Cộng	10.305.753.866.274	8.768.510.255.537

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	47.222.618.422	55.955.364.714
Cổ tức được chia	805.521.600	755.176.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	27.293.520.002	24.597.209.522
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.750.424.749	3.316.313.939
Doanh thu tài chính khác	540.486	-
Cộng	78.072.625.259	84.624.064.675

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	282.541.988.629	318.142.487.613
Chiết khấu thanh toán	18.711.605.913	15.230.075.574
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	51.903.535.963	30.185.966.463
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.885.483.403	-
Chi phí tài chính khác	58.611.479	2.332.827.439
Cộng	357.101.225.387	365.891.357.089

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	114.426.351.578	98.457.329.293
Chi phí vật liệu, bao bì	1.290.067.181	5.090.525.691
Chi phí dụng cụ, đồ dung	4.267.100.691	6.034.715.483
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.918.227.930	4.824.538.810
Chi phí bảo hành	12.536.815.874	10.475.880.112
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	15.319.618.105	5.811.064.520
Chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu	120.036.388.475	55.582.752.999
Chi phí showroom	8.094.567.103	18.200.220.410
Chi phí thuê kho	18.798.246.445	18.041.060.736

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.352.877.841	42.968.330.820
Các chi phí khác	36.971.078.531	21.689.552.543
Cộng	379.011.339.754	287.175.971.417
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	72.212.766.438	69.706.180.502
Chi phí vật liệu quản lý	302.771.546	175.775.778
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.220.260.174	2.324.228.879
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.211.877.946	12.581.552.190
Thuế, phí và lệ phí	1.722.471.103	1.026.173.461
Dự phòng phải thu khó đòi	15.275.409.019	52.294.186
Lợi thế thương mại	713.116.240	713.116.240
Chi phí thanh toán, mở LC	23.869.610.694	36.410.694.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.613.938.004	23.573.150.124
Các chi phí khác	13.833.283.656	15.454.464.590
Cộng	181.975.504.820	162.017.630.666
8. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản	54.889.647.560	494.733.847
Phạt vi phạm hợp đồng	3.362.276.287	1.289.015.391
Thu nhập khác	2.692.634.280	2.084.738.166
Cộng	60.944.558.127	3.868.487.404
9. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản	-	832.249.154
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	1.635.011.995	2.524.044.554
Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng	1.411.375.774	663.304.122
Chi phí khác	3.388.486.675	2.534.033.531
Cộng	6.434.874.444	6.553.631.361
10. Lãi trên cổ phiếu		
10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	77.228.719.810	16.488.912.250
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	77.228.719.810	16.488.912.250
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	162.176.449	162.176.449
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	476	102

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.556.891.225.184	4.555.396.761.526
Chi phí nhân công	259.032.653.468	251.690.174.499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.560.254.136	92.018.290.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	425.822.642.721	297.374.498.914
Chi phí khác	85.404.129.123	108.208.747.655
Cộng	4.412.710.904.632	5.304.688.472.699

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi nhập gốc	1.510.311.796	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Ông Lê Vĩnh Sơn – Chủ tịch Công ty dùng 1.120.000 cổ phiếu SHI thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng cấp tín dụng số 50678.20.058.2475643.TD ngày 06/10/2020 và quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán căn nhà tại địa chỉ số 56, lô đất số Q-M5 tại KDT Nam Thăng Long thuộc quyền sở hữu của Ông Lê Vĩnh Sơn và Bà Trần Kim Dung.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (ĐVT: 1.000.000 VND)

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
<i>Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý</i>					
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	-	-	106,36	106,36
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	-	-	39,89	39,89
Ông Phạm Thế Hùng	Thành viên/ PTGD thường trực	1.410,67	-	23,38	1434,05
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên	969,84	-	23,38	993,22
Ông Nguyễn Phương Nam	Thành viên độc lập	-	-	39,89	39,89
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên độc lập	-	-	39,89	39,89
<i>Ban Điều hành, quản lý</i>					
Ông Nguyễn Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	1.264,46	-	-	1.264,46
Ông Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng	1.069,55	-	-	1.069,55
<i>Ban Kiểm soát</i>					
Ông Trần Văn Thi	Trưởng ban (từ ngày 30/5/24)	398,67	-	-	398,67
Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng ban (đến ngày 30/5/24)	-	-	38,13	38,13
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên (đến ngày 30/5/2024)	155,83	-	14,07	169,9
Bà Trần Thị Thảo	Thành viên (từ ngày 30/5/23)	275,39	-	14,07	289,46
Cộng		5.544,41		339,06	5.883,47
Năm trước					
<i>Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý</i>					
Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	-	-	156,8	156,8
Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	-	-	58,8	58,8
Đào Nam Phong	Thành viên đến 30/5/2023	-	-	29,4	29,4
Nguyễn Phương Nam	Thành viên	-	-	58,8	58,8
Kiều Đức Lâm	Thành viên đến 30/5/2023	-	-	58,8	58,8
Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	-	-	58,8	58,8
Phạm Thế Hùng	Thành viên từ 30/5/2023/ Phó TGD thường trực	991,7	28,4	-	1.020,1
Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên từ 30/5/2023	414,2	-	48,0	462,2
<i>Ban Điều hành, quản lý</i>					
Đỗ Thành Tâm	Tổng Giám đốc	339,6	-	-	339,6
Nguyễn Đình Quý	Phó TGD từ 25/4/2023	1.566,6	3,8	-	1.570,4
Nguyễn Văn Lương	Phó TGD đến 20/02/3023	220,8	-	-	220,8
Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng	867,0	24,1	-	891,1
<i>Ban Kiểm soát</i>					
Nguyễn Thị Thanh Thúy	Trưởng ban đến 30/5/2023	424,0	24,4	48,0	496,4
Nguyễn Thị Gấm	Trưởng ban từ 05/06/2023 (trước đó là thành viên BKS)	605,7	13,7	48,0	667,4
Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên BKS từ 30/5/2023	359,0	15,9	-	374,9
Trần Thị Thảo	Thành viên BKS từ 30/5/2023	233,2	9,2	-	242,4
Cộng		6.021,7	119,5	565,3	6.706,5

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sơn Hà Sài Gòn)	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Lệ Gia	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6a và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng gia dụng.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng công nghiệp.
- Lĩnh vực kinh doanh khác

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.085.400.805.797	8.026.537.797.608	145.127.513.186	11.257.066.116.591
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.085.400.805.797	8.026.537.797.608	145.127.513.186	11.257.066.116.591
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.035.362.255.678)	1.961.775.633.204	24.898.872.791	951.312.250.317
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(560.986.844.574)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				390.325.405.743
Doanh thu hoạt động tài chính				78.072.625.259
Chi phí tài chính				(357.101.225.387)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				1.701.686.801
Thu nhập khác				60.944.558.127
Chi phí khác				(6.434.874.444)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(59.139.622.394)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				108.368.553.705
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.189.116.667	555.489.210.500	-	558.678.327.167
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.958.148.438	69.427.232.537	887.989.401	86.273.370.376
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.476.498.391.120	6.982.923.645.685	145.923.242.250	9.605.345.279.055
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.476.498.391.120	6.982.923.645.685	145.923.242.250	9.605.345.279.055
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(987.667.364.385)	1.820.259.835.712	4.242.552.191	836.835.023.518
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(449.193.602.083)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				387.641.421.435
Doanh thu hoạt động tài chính				84.624.064.675
Chi phí tài chính				(365.891.357.089)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				285.511.905
Thu nhập khác				3.868.487.404
Chi phí khác				(6.553.631.361)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(44.884.928.605)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				59.089.568.364
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	9.441.668.738	378.478.522.541	-	387.920.191.279
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.106.404.075	83.683.731.600	1.414.187.226	93.204.322.901

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: tầng 13, tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.663.978.062.736	6.575.861.377.587	52.821.210.772	9.292.660.651.095
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				160.777.821.194
Tổng tài sản				9.453.438.472.289
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.767.857.111.338	5.571.166.384.580	66.772.707.121	7.405.796.203.039
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				175.989.059.652
Tổng tài sản				7.581.785.262.691
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.307.412.827.680	4.221.556.415.176	45.398.253.415	5.574.367.496.271
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				5.574.367.496.271

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Tập đoàn không lập báo cáo bộ theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Quân

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Vĩnh Sơn